

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-PT

Ngày: 23/11/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chịu và bà Lê Thị Thái Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2021/QĐ-PT ngày 30/8/2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 142/TB-TDS ngày 08/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2021/QĐ-PT ngày 29/9/2021; Thông báo về thời gian mở phiên tòa số: 146/TB-TDS ngày 15/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961, bà Phan Thị D, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Thôn Hội P, xã An Ninh T1, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Ủy quyền cho Ông Trần Danh T3, sinh năm 1958; Địa chỉ: 73 Trần Phú, thị trấn Chí Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Ông L, sinh năm 1967; Nơi cư trú: thôn Tiên Ch, xã An Ninh T1, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên và bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn HH, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Bà M có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị Thái L1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn Xuân Ph, xã An Ninh T1, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

- Bà Dương Thị B, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn Phú H, xã An Ninh Đ, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết L2, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn HH, xã An Th, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2020, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ủy quyền cho ông Trần Danh T3 trình bày: Vào ngày 13/6/2016 vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết M có vay của nguyên đơn 230.000.000đ, đến ngày 14/6/2016 vợ chồng bà M vay tiếp của nguyên đơn 50.000.000đ. Tổng cộng hai lần vay là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) đều có giấy vay tiền kèm theo, lý do vay là để mua xe ô tô tải với thời hạn vay là 02 năm. Đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng bà M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà M phải trả 280.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Ông L do bà M đại diện trình bày: Tại giấy vay ngày 13 và 14/6/2016 bà thừa nhận chữ ký và chữ viết là của bà và ông L, nhưng trong số tiền 280.000.000đ vợ chồng bà đã trả dần cho nguyên đơn, hiện nay chỉ còn nợ lại 19.000.000đ, nên vợ chồng bà không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2021/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị D đối với bị đơn vợ chồng ông Ông L, bà Nguyễn Thị Tuyết M. Buộc vợ chồng ông L, bà M có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông T, bà D số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/6/2021 bà Nguyễn Thị Tuyết M kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Ông L vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa vợ chồng nguyên đơn và vợ chồng bị đơn có lập hợp đồng vay tài sản là giấy viết tay, vợ chồng bà D yêu cầu vợ chồng bà M phải trả 280.000.000đ, bà M cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký trên Giấy vay là của vợ chồng bà. Giấy vay tiền lập ngày 13/6/2016 và 14/6/2016 thể hiện số tiền vay là 280.000.000đ với thời hạn phải trả là ngày 13/6/2018, nhưng bị đơn không thực hiện là xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn, bị đơn cho rằng đã trả dần chỉ còn nợ 19.000.000đ nhưng không có tài liệu chứng minh, nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết M giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 463; Điều 466 và Điều 688 của BLDS; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà Phan Thị D, ông Nguyễn Văn T theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2020 . Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Ông L

phải trả cho vợ chồng bà Phan Thị D, ông Nguyễn Văn T 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng)” về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

[2] Về án phí:

Vợ chồng Nguyễn Thị Tuyết M, Ông L phải chịu 14.000.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí DSPT. Đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ ở biên lai thu tiền số 0004671 ngày 17/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy A, nên còn phải nộp 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Hoàn lại cho vợ chồng bà Phan Thị D, Nguyễn Văn T 7.000.000đ tiền tạm ứng án phí DSST. Đã nộp ở biên lai thu tiền số AA/2019/0004308 ngày 13/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy A.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện Tuy A (2);
- CCTHADS huyện Tuy A;
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng